

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	47
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	49
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	52
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	54
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	56
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	63

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	65
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	66
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	71
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	75
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	77
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	78
Phần IV. PHỤ LỤC	79

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		

Kết quả: Đạt mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 11 Quận 5

Tên trước đây (nếu có): Trường Mẫu giáo 11 Quận 5

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 5.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Quận 5
Xã / phường/thị trấn	Phường 11
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1999
Công lập	X
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Thúy
Điện Thoại	028.3855.6230
Fax	Không
Website	mn11q5.hcm.edu.vn
Số điểm trường	02 điểm trường: + 01 điểm chính. + 01 điểm lẻ.
Loại hình khác (ghi rõ):	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2010-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	02	02	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	03	03	02	03	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	03	03	03	02	03
Cộng	10	09	08	09	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	09	08	09	10	
1	Phòng kiên cố	10	09	08	09	10	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

II	Khối phòng phục vụ học tập	04	04	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	04	04	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	04	04	04	04	04	
1	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	00	00	00	00	00	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	04	04	05	05	04	
	Cộng	22	21	22	23	23	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 02 năm 2024

Chức vụ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	00	00	01	

Phó Hiệu trưởng	02	02	Kinh	00	00	02	
Giáo viên	22	18	Kinh	00	03	17	
		02	Hoa	00	00	02	
Nhân viên	12	10	Kinh	02	09	01	
Cộng	37	33	02	02	12	23	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	21	21	20	20	22
2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	33/3 11	32/4 8	25/5 5	26/3 8,6	29/4 7,25
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	186/18 10,3	182/17 10,7	159/14 11,4	193/16 12,06	199/18 11,05
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương (nếu có)	03	00	04	02	00
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
7	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	01 GV phổ cập	01 GV phổ cập	01 GV phổ cập

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	219	214	184	219	228	
	- Nữ	106	102	86	104	120	
	- Dân tộc thiểu số	51	50	54	66	72	
2	Đối tượng chính sách	03	00	00	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	76	75	78	78	82	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	219	214	184	219	228	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	186/9 20,6	182/8 22,7	159/7 22,7	219/9 24,3	228/10 22,8	
	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	33/1 33	32/1 32	25/1 25	26/1 26	29/1 29	
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	33	32	25	26	29	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	34	45	44	57	48	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	61	53	54	68	75	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	91	84	61	68	76	

5. Các số liệu khác: Không có

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 11 Quận 5 có 02 cơ sở (điểm trường). Cơ sở 01 (điểm chính) đặt tại số 139 Triệu Quang Phục, Phường 11, Quận 5 và cơ sở 02 (điểm lẻ) đặt tại số 715 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5. Đơn vị được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1978. Năm 1999 theo Quyết định số 542/QĐ-UB ngày 11 tháng 02 năm 1999 của Ủy ban nhân dân Quận 5 với tên là trường Mẫu giáo 11 Quận 5. Năm 2007 nhận được Quyết định số 5024/QĐ-UB ngày 02 tháng 11 năm 2007 đổi tên trường Mẫu giáo 11 Quận 5 thành trường Mầm non 11 Quận 5. Trong quyết định này, không có địa chỉ của điểm lẻ số 715 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5. Năm 2010 trường nhận được Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2010 điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 có đủ 02 cơ sở.

Trường có tổng diện tích sử dụng là 2090,75m² trong đó: Diện tích sử dụng điểm chính là 1508,98m² có 06 phòng học, 02 phòng chức năng, 04 phòng làm việc, 01 sân chơi và 01 khu nhà bếp theo mô hình bếp một chiều với các phòng liên quan như phòng giặt, kho thực phẩm, phòng thay đồ nhân viên, 04 nhà vệ sinh của trẻ, 01 nhà vệ sinh của giáo viên. Điểm lẻ có diện tích sử dụng là 581,77m² có 04 lầu bố trí 04 phòng học, 02 sân chơi trên lầu, 03 phòng chức năng, 03 nhà vệ sinh của trẻ và 01 nhà vệ sinh của giáo viên.

Cơ sở vật chất của trường có nhiều khó khăn như: Điểm chính nằm trong quần thể của chùa Bà Thiên Hậu, khu vực phía sau bị hư hỏng nặng đang niêm phong chờ sửa chữa. Khu vực phía trước chỉ sử dụng trên lầu 01, còn tầng trệt là kho của công ty Cholimex nên không thể làm nhà vệ sinh cho các phòng học.

100% giáo viên có đủ năng lực thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Hiện nay trường đang nuôi dạy 228 trẻ từ 25 tháng tuổi đến 6 tuổi.

Nhà trường hiện có Chi bộ với 07 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 04 giáo viên) trực thuộc Đảng ủy Phường 11, Quận 5. Các tổ chức chính trị-xã hội khác như:

Công đoàn cơ sở; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội khuyến học; Hội Chữ thập đỏ; Ban đại diện cha mẹ trẻ đều được tạo điều kiện hoạt động đúng chức năng, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của lãnh đạo Ủy ban nhân dân Quận 5, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân Phường 11. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đoàn kết phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động. Ban đại diện cha mẹ trẻ nhiệt tình trong việc phối hợp thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm học 2019-2020 đến nay trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”. Năm học 2019-2020 được nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục năm học 2018-2019 và 2019-2020. Năm học 2019-2020 có 03 giáo viên tham gia Hội thi Giáo viên giỏi cấp Quận đạt 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích. Năm học 2021-2022 có 02 giáo viên được công nhận Giáo viên giỏi cấp Quận.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của các trường mầm non nói chung, trường Mầm non 11 đã triển khai công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng nhà trường theo Thông tư số 19/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện

pháp cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 về việc hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023-2024, trường Mầm non 11 tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non như sau:

- Tháng 9 đến tháng 11/2023: Hội đồng sư phạm tập huấn và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non cho đội ngũ. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch đánh giá và phân công nhiệm vụ từng thành viên.

- Tháng 12/2023 đến tháng 01/2024: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

- Tháng 02/2024 đến tháng 03/2024: Thảo luận và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí. Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.

- Tháng 4/2024: Công bố báo cáo tự đánh giá, lấy ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý.

- Tháng 5/2024: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường. Hoàn thiện và nộp báo cáo tự đánh giá.

TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non 11 xây dựng phương hướng phát triển giáo dục mầm non đến năm 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Nhà trường có cơ cấu tổ chức, quản lý các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non, phân chia trẻ đúng độ tuổi và được học

bán trú ở trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Trường thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động, quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai minh bạch công tác quản lý.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11 xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp một. Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục của trường là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nhà trường định hướng mục

tiêu chiến lược theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Phường 11 lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 về phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập. Có sự tham gia của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng; giúp nhà trường thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch chỉ đạo của Hội đồng trường và hoạt động của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-01], [H1-1.1-02].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 05 năm 2021-2025 được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược nhà trường được công bố công khai và phổ biến đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức [H1-1.1-02], các buổi họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-03], niêm yết tại bảng tin, trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thông qua các mục tiêu, biện pháp, chỉ tiêu phấn đấu cụ thể trong kế hoạch năm học được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 phê duyệt [H1-1.1-01].

Mức 3:

Nhà trường chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Hiệu trưởng tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-01], [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Phương hướng chiến lược của trường Mầm non 11 đã xác định được những mục tiêu cụ thể phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường, được công bố công khai và phổ biến đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và xã hội thông qua các phương tiện thông tin đa dạng như trang thông tin điện tử, bảng tin.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ trẻ và cộng đồng theo từng năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng định kỳ rà soát bổ sung điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Mời cha mẹ trẻ và cộng đồng cùng tham gia giám sát, đóng góp ý kiến hoặc đề xuất các giải pháp góp phần giúp nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục theo từng giai đoạn, từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11 có cơ cấu tổ chức bộ máy và thành lập các hội đồng theo Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường được kiện toàn gồm có 09 thành viên: Đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.2-01]. Các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường do Hiệu trưởng ra quyết định [H1-1.2-02].

b) Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 18, Điều 19 của Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định [H1-1.1-03], [H1-1.2-03]. Hội đồng thi đua khen thưởng xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, đề nghị các danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng tháng, học kỳ, năm học [H1-1.2-04]. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm có nhiệm vụ đánh giá các sáng kiến cải tiến, phát hiện các sáng kiến có giá trị, thiết thực để ứng dụng vào việc đổi mới phương pháp quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.2-05]. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường thực hiện nhiệm vụ chấm thi giáo viên giỏi cấp trường và hỗ trợ trong công tác thi Giáo viên giỏi cấp Quận [H1-1.2-06].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp, cụ thể: Hội đồng trường họp 02 lần/năm học [H1-1.1-03], [H1-1.2-03]; Hội đồng thi đua khen thưởng họp 03 lần/năm học [H1-1.1-03], [H1-1.2-04]; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm họp 03 lần/năm học [H1-1.1-03], [H1-1.2-05]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi trường họp 03 lần/năm học [H1-1.1-03], [H1-1.2-06]; Hội đồng sư phạm nhà trường họp 01 lần/tháng [H1-1.1-03].

Mức 2:

Các hội đồng chủ yếu thực hiện nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch. Nhưng chưa có các giải pháp sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, định hướng mục tiêu trong những năm tiếp theo [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Điểm yếu

Đa số Hội đồng tư vấn sẽ tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ nên số lượng Hội đồng thành lập rất nhiều trong năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy tính tích cực của các hội đồng trong công tác định hướng chủ trương, bằng hình thức nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho các thành viên hội đồng. Thành lập Hội đồng tư vấn chuyên môn chung cho các hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ chức Công đoàn cơ sở có 33 công đoàn viên tham gia sinh hoạt. Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 03 đồng chí, được thành lập theo Quyết định của Liên đoàn lao động Quận 5 [H1-1.3-01]. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 05 đoàn viên tham gia sinh hoạt [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ trường Mầm non 11 gồm có 34 hội viên tham gia các hoạt động theo Điều lệ hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03]. Chi hội khuyến học trường Mầm non 11 có 23 hội viên [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường được hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức góp phần giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả. Tham gia các hoạt động tương thân tương ái, đóng góp hỗ trợ các trường hợp khó khăn, bệnh nan y hoặc tình nguyện hiến máu nhân đạo do ngành và địa phương phát động [H1-1.3-01],[H1-1.3-02],[H1-1.3-03],[H1-1.3-04].

c) Cuối mỗi năm học, hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được đánh giá cụ thể qua những báo cáo tổng kết hoạt động đoàn thể và của nhà trường [H1-1.3-01],[H1-1.3-02],[H1-1.3-03],[H1-1.3-04],[H1-1.3-05].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Mầm non 11 trực thuộc Đảng ủy Phường 11 có 07 đảng viên, Chi bộ có 01 đồng chí Bí thư và 01 Phó Bí thư. Chi bộ Đảng giữ vững vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo nhà trường, thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng. Chi bộ thực hiện sinh hoạt định kì theo đúng Điều lệ Đảng để thực hiện đánh giá các kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo và tiếp tục đề ra những nhiệm vụ nhằm định hướng các hoạt động của nhà trường. Từ năm 2019 đến nay, Chi bộ luôn được công nhận “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-06].

b) Đoàn thể và các tổ chức trong trường luôn tích cực tham gia đóng góp các hoạt động của đơn vị và cộng đồng như: Tham gia tình nguyện hiến máu nhân đạo; ủng hộ các phong trào vì biển đảo quê hương-vì tuyến đầu Tổ quốc [H1-1.3-01]; hoạt động văn nghệ chào mừng các ngày như 20/11, tết Nguyên đán [H1-1.3-02]; chăm lo cho các hộ khó khăn tại địa phương, tháng Nhân đạo [H1-1.3-03]; trao học

bổng cho trẻ khó khăn tại địa phương và đơn vị, thực hiện phong trào nuôi heo đất [H1-1.3-04]; xuân nhân ái, sở tiết kiệm vì người bạn tòng quân [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Từ năm 2018 đến nay, Chi bộ luôn được công nhận “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” 5 năm liên tiếp [H1-1.3-06].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đã đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Chi đoàn có 05 đoàn viên nên còn khó khăn khi cần lực lượng tham gia các hoạt động Đoàn. Nhiều năm liền Công đoàn luôn hoàn thành tốt tất cả nhiệm vụ [H1-1.3-01]; Chi đoàn được đánh giá Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02]; Chi hội Chữ thập đỏ đạt giấy khen “Đã có nhiều đóng góp cho hoạt động Chữ thập đỏ khối trường học giai đoạn 2015-2020”[H1-1.3-03], [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Chi bộ trường Mầm non 11, các tổ chức đoàn thể đã đóng góp tích cực các hoạt động của nhà trường, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Điểm yếu

Chi đoàn có ít đoàn viên nên còn khó khăn khi cần phân bổ lực lượng tham gia các hoạt động Đoàn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng có kế hoạch cụ thể tuyển dụng viên chức là giáo viên trẻ để tăng số lượng đoàn viên cho Chi đoàn, tăng cường giám sát giúp hoạt động Đoàn năng động và sáng tạo.

Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng phó Hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tính đến tháng 02 năm 2024, trường Mầm non 11 là trường hạng I, có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục [H1-1.2-01], [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng theo đúng quy định bao gồm: Tổ chuyên môn Nhà trẻ, 3-4 tuổi (có 10 giáo viên và 01 phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục); tổ chuyên môn 4-5 tuổi (có 06 giáo viên); tổ chuyên môn 5-6 tuổi (có 06 giáo viên), tổ cấp dưỡng (có 04 nhân viên và 01 phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng); tổ văn phòng có 08 nhân viên: 01 biên chế (kế toán), 07 hợp đồng Trường (01 thủ quỹ, 01 y tế-văn thư, 03 phục vụ, 02 bảo vệ) và 01 Hiệu trưởng. Mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng (không có tổ phó) được phân công quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn tại tổ theo quyết định của Hiệu trưởng [H1-1.2-02], [H1-1.4-02].

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định như: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng nhằm thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức sinh hoạt nhằm bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-02], [H1-1.4-03]. Các thành viên của tổ

chuyên môn tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên, nhân viên, định kỳ họp 02 lần/tháng [H1-1.4-02], [H1-1.4-04]. Tuy nhiên nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú.

Mức 2:

a) Hằng năm, dựa vào các chuyên đề trọng tâm của nhà trường tổ chuyên môn đề xuất ít nhất 01 chuyên đề. Năm học 2023-2024 thực hiện 02 chuyên đề của cấp trường: Chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức [H1-1.4-03].

b) Hằng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua dùng, các buổi họp chuyên môn theo quy định nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ đồ chơi, thiết bị giáo dục [H1-1.4-02].

Mức 3:

a) Thông qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ có biện pháp để thực hiện các hoạt động của nhà trường như tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục [H1-1.4-02]. Nội dung sinh hoạt các tổ chuyên môn phong phú, đưa ra được các giải pháp cụ thể cho từng giai đoạn nâng cao chất lượng công tác, chăm sóc và giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, hình thức sinh hoạt vẫn chưa có nhiều đổi mới và đa dạng.

b) Tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề chuyên môn cấp cụm, cấp trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo kế hoạch chuyên đề từng năm học [H1-1.4-0.3].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Các tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch năm, tháng; thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Hình thức sinh hoạt các tổ chuyên môn chưa có nhiều đổi mới và đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý thường xuyên tham dự những buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của các tổ chuyên môn để bồi dưỡng nghiệp vụ và hướng dẫn các tổ trưởng áp dụng nhiều hình thức sinh hoạt chuyên môn phù hợp hơn với tình hình cụ thể của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

a) Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 10 nhóm, lớp (01 nhóm nhà trẻ, 09 lớp mẫu giáo); tổng số học sinh 228 được phân chia trẻ theo độ tuổi đúng quy định [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-01].

c) Từ năm học 2019-2020 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Nhà trường có số lượng trẻ em trong 10/10 nhóm, lớp đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non.[H1-1.5-01]. Cụ thể năm học 2023-2024:

- Nhóm nhà trẻ từ 25 tháng đến 36 tháng (1) : 29 trẻ
- Lớp mẫu giáo 3 tuổi đến 4 tuổi (1) : 16 trẻ
- Lớp mẫu giáo 3 tuổi đến 4 tuổi (2) : 17 trẻ
- Lớp mẫu giáo 3 tuổi đến 4 tuổi (3) : 15 trẻ
- Lớp mẫu giáo 4 tuổi đến 5 tuổi (1) : 26 trẻ
- Lớp mẫu giáo 4 tuổi đến 5 tuổi (2) : 24 trẻ
- Lớp mẫu giáo 4 tuổi đến 5 tuổi (3) : 25 trẻ
- Lớp mẫu giáo 5 tuổi đến 6 tuổi (1) : 25 trẻ
- Lớp Mẫu giáo 5 tuổi đến 6 tuổi (2) : 24 trẻ
- Lớp Mẫu giáo 5 tuổi đến 6 tuổi (3) : 27 trẻ

Do tình hình chung nên sĩ số trẻ còn thiếu nhiều so với chỉ tiêu quy định Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Nhà trường có 10 nhóm, lớp không vượt quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Do tình hình chung nên sĩ số trẻ còn thiếu nhiều so với chỉ tiêu quy định Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường duy trì và thu hút tuyển sinh đảm bảo sĩ số các nhóm, lớp nhằm giúp giáo viên đảm bảo việc chăm sóc giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo Luật lưu trữ. Quản lý hồ sơ theo bộ phận phụ trách: Văn thư quản lý hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-01], hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01], hồ sơ công văn đi, công văn đến [H1-1.6-01]; Kế toán quản lý hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-02]; Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục quản lý hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.6-03]; Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng quản lý hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-04].

b) Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán lập dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước giao và các khoản thu sự nghiệp trình Ủy ban nhân dân và Phòng Tài chính-Kế hoạch Quận 5 phê duyệt. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản về Phòng Tài chính-Kế hoạch Quận 5, Kho bạc Quận 5 theo chế độ kế toán tài chính Nhà nước [H1-1.6-02]. Công tác kiểm kê tài sản được thực hiện định kỳ cuối năm. Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, tài sản và công khai cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ biết và tham gia giám sát, kiểm tra theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT quy định

[H1-1.6-05], [H1-1.6-06]. Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường phối hợp với Công đoàn cơ sở thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định [H1-1.1-02], [H1-1.6-02].

c) Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích và theo quy định của Phòng Tài chính-Kế hoạch. Sử dụng tài sản có hiệu quả phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Thực hiện thu chi, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm kê đúng thời gian quy định [H1-1.6-02]. Tổ chức kiểm kê tài sản các lớp, bộ phận và ghi nhận vào sổ quản lý tài sản vào cuối năm học. Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng đồ chơi theo quy định [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường thông qua các phần mềm kế toán; Phần mềm văn thư lưu trữ; Phần mềm thu-chi tài chính; Hóa đơn điện tử, chữ ký số; Sổ liên lạc điện tử; Cổng thông tin điện tử; Phần mềm khâu phân dinh dưỡng; Mạng nội bộ [H1-1.1-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của nhà nước [H1-1.6-01], [H1-1.6-02], [H1-1.6-05].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Trường lưu trữ đầy đủ các báo cáo tài chính, thực hiện kịp thời các chế độ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và thực hiện tốt công tác tài chính, theo đúng quy định của tài chính. Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, chính trị, đạo đức nhà giáo và các loại chứng chỉ như: Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non để nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-01]. Tạo mọi điều kiện cho giáo viên, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, chính trị hệ do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 tổ chức và các lớp tập huấn, đào tạo khác theo quy định [H1-1.7-01].

b) Trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường cụ thể [H1-1.2-02], [H1-1.4-01]. Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2023/TTBGDDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023, nhà trường phân công như sau:

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
I	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	03
1	Hiệu trưởng	01
2	Phó Hiệu trưởng	02
II	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	20 <i>(19 GV MN + 1GV phổ cập)</i>
1	Giáo viên nhà trẻ	03
2	Giáo viên mẫu giáo	16
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	12
1	Kế toán	01
2	Thủ quỹ	01
3	Y tế học đường	01
4	Văn thư	00
5	Bảo vệ	02
6	Phục vụ	03
7	Cấp dưỡng	04
	Tổng cộng:	35

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền: Nâng cao trình độ chuyên môn, được hưởng các chế độ chính sách, được bảo vệ nhân phẩm theo quy định tại Chương V Điều 29, 30, 31 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, thông qua dự giờ thực tế các hoạt động, họp chuyên môn để phát huy năng lực của cán bộ quản lý,

giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường luôn có biện pháp động viên, hỗ trợ giáo viên tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn; đặc biệt đội ngũ giáo viên trẻ luôn chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng, tiếp cận những cái mới, cập nhật kịp thời các phương pháp giáo dục [H1-1.7-01].

Tuy nhiên còn 03/12 nhân viên lớn tuổi, chưa chủ động học tập, tự bồi dưỡng để phát huy khả năng, năng lực cá nhân [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn có biện pháp động viên, hỗ trợ giáo viên tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn; đặc biệt đội ngũ giáo viên trẻ luôn chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng, tiếp cận những cái mới, cập nhật kịp thời các phương pháp giáo dục.

3. Điểm yếu

Còn 03/12 nhân viên lớn tuổi, chưa chủ động học tập, tự bồi dưỡng để phát huy khả năng, năng lực cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, phó Hiệu trưởng tiếp tục thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thi tại trường cho giáo viên, nhân viên tham gia nhằm phát huy năng lực cá nhân trong chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non theo quy định. Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên kịp thời và có hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và trường, lớp [H1-1.8-01].

b) Giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động hằng ngày của trẻ đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, còn một số giáo viên khi xây dựng kế hoạch chưa có sự sáng tạo trong việc lựa chọn đề tài và xây dựng nội dung, hoạt động cho trẻ theo định hướng Phát triển Chương trình giáo dục mầm non.

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được kiểm tra rà soát hàng tháng, có phần tự nhận xét của giáo viên từng tuần, từng tháng về các nội dung giáo dục trên trẻ theo từng lĩnh vực, từ đó giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp cụ thể để chỉ đạo, kiểm tra, thông qua các buổi họp bồi dưỡng chuyên môn trường, họp rút kinh nghiệm hằng tháng [H1-1.6-03]. Hoạt động đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được Phòng Giáo dục đánh giá Tốt thông qua Hội thi Giáo viên giỏi cấp Quận và kiểm tra chuyên đề [H1-1.3-07], [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non, thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt cho trẻ. Có đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên khi xây dựng kế hoạch chưa có sự sáng tạo trong việc lựa chọn đề tài và nội dung chưa thực sự hấp dẫn và lôi cuốn trẻ, chưa có định hướng Phát triển Chương trình giáo dục mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương và theo định hướng Phát triển Chương trình giáo dục mầm non. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục hướng dẫn, bồi dưỡng giúp 100% giáo viên xây dựng kế hoạch cần nắm bắt những đề tài mới lạ, phù hợp với nhu cầu xã hội để tổ chức hoạt động giáo dục đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phát huy dân chủ trong việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Thực hiện công khai đầy đủ: Phương hướng chiến lược nhà trường; Kế hoạch năm học; Quy chế chi tiêu nội bộ; Tiêu chuẩn thi đua; Dự toán, báo cáo tài chính nhà trường trong Hội nghị cán bộ

công chức, viên chức hằng năm và các buổi họp Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02], [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, còn một số nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

b) Nhà trường có thực hiện hồ sơ tiếp công dân, có đầy đủ các loại sổ theo dõi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh kèm theo biên bản xử lý, giải quyết kịp thời [H1-1.9-01].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức [H1-1.1-02]. Định kỳ hằng tháng, trường tổ chức họp hội đồng sư phạm để tiến hành đánh giá, triển khai công tác, lắng nghe và tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về tổ chức hoạt động giáo dục, chế độ chính sách nhằm có hướng điều chỉnh kịp thời những nội dung góp ý, hạn chế phù hợp với tình hình thực tiễn [H1-1.1-03].

Mức 2:

Mỗi năm học, ban chỉ đạo quy chế dân chủ thực hiện các biện pháp giám sát như: Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động của Ban chỉ đạo theo kế hoạch đề ra nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy chế. Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả thông qua các cuộc họp Hội đồng sư phạm, bản tin đoàn thể đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-03], [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong nhà trường tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Tất cả các nội dung đều được đưa ra thảo luận công khai và lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, còn một số nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo và vận động viên chức trong toàn trường nghiêm túc thực hiện tốt các chủ trương,

chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phát huy quy chế dân chủ, công bằng trong nhà trường. Hiệu trưởng khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, có phối hợp với công an Phường 11 thực hiện “Đơn vị văn hóa-Công sở văn minh trật tự”. Nhà trường có 02 bảo vệ,

lắp camera tại cổng trường, hành lang, các khu vực nên an ninh trật tự được đảm bảo[H1-1.10-01], [H1-1.10-02]. Tuy nhiên, nhân viên vệ sinh là hợp đồng trường nên nhân sự khó ổn định. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm theo quy định, thực hiện ký hợp đồng với 100% công ty cung ứng thực phẩm đạt các tiêu chuẩn như ISO, VietGap, Global, chuỗi an toàn, HACCAP,... để luôn đảm bảo thực phẩm chất lượng, an toàn tuyệt đối cho trẻ. Bếp ăn của trường đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-03]. Trường luôn xây dựng các phương án đảm bảo công tác an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường nhiều năm liền [H1-1.10-03]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, có lịch tiếp dân công khai trước văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và cha mẹ trẻ. Trường thường xuyên thông tin với chính quyền địa phương, Công an và Ban Chỉ huy Quân sự Phường 11 phối hợp hỗ trợ công tác an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường đảm bảo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được làm việc, học tập trong môi trường an toàn tuyệt đối [H1-1.9-01].

c) Nhà trường xây dựng nội quy nhà trường, quy chế trong nhằm giúp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-02], [H1-1.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.7-01]. Nhà trường tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm và ra quyết định theo Khoản 2 Điều 6 thuộc khoản 3 Điều 2 Chương I Điều 5 Chương II Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 [H1-1.10-03]; công tác phòng, chống dịch bệnh; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích được Ủy ban nhân dân Quận 5 công nhận [H1-1.3-07], [H1-1.10-03]. Phối hợp với công an Phòng cháy chữa cháy Quận 5 tổ chức diễn tập công tác an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]. Tuyên truyền

về phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ [H1-1.7-01], [H1-1.10-0.5].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường bằng cách dự giờ thăm lớp hằng ngày. Đồng thời nhà trường có phối hợp chặt chẽ với công an Phường 11 và bảo vệ trật tự khu phố để đảm bảo tốt an ninh trật tự vào giờ đón, trả trẻ và ngăn chặn kịp thời những tình huống xấu xảy ra [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống dịch bệnh. Phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể và từng thành viên trong nhà trường đều có ý thức thực hiện tốt.

3. Điểm yếu

Nhân viên vệ sinh là hợp đồng trường nên nhân sự khó ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường sẽ cố gắng duy trì ổn định lực lượng nhân viên vệ sinh. Tiếp tục duy trì xây dựng các phương án nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập hội đồng trường và các tổ chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường mầm non và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nêu cao ý thức tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng quy chế dân chủ. Nhà trường đã xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Các hội đồng chủ yếu thực hiện nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch. Nhưng chưa có các giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, định hướng mục tiêu trong những năm tiếp theo.

Do tình hình chung nên sĩ số trẻ còn thiếu nhiều so với chỉ tiêu quy định Điều lệ trường mầm non.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Đội ngũ cần đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực chăm sóc giáo dục trẻ. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, trường Mầm non 11 đã từng bước có những đổi mới trong công tác đáp ứng tốt những yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2018-2019 thiếu 01 phó Hiệu trưởng; năm học 2019-2020 thiếu 01 phó Hiệu trưởng. Đến tháng 7 năm 2020 nhà trường có đủ Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, cụ thể:

Hiệu trưởng có thời gian công tác 20 năm liên tục trong ngành giáo dục mầm non (trong đó 03 năm giữ chức vụ phó Hiệu trưởng, 06 năm giữ chức vụ Hiệu trưởng) đạt trình độ Đại học Sư phạm mầm non; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục; Trung cấp lý luận chính trị-hành chính, tin học B, anh văn B1, chứng chỉ bồi dưỡng Hiệu trưởng trường mầm non công lập [H1-1.4-01].

Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục có thời gian công tác 18 năm liên tục trong ngành mầm non (trong đó 05 năm giữ chức vụ phó Hiệu trưởng) đạt trình độ Đại học Sư phạm mầm non; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục; Trung cấp lý luận chính trị-hành chính, tin học B, anh văn B1, chứng chỉ khóa bồi dưỡng Hiệu trưởng trường mầm non [H1-1.4-01].

Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 22 năm liên tục trong ngành giáo dục mầm non (trong đó 04 năm giữ chức vụ phó Hiệu trưởng) đạt trình độ Đại học Sư phạm mầm non; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, tin học B, anh văn B1, chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non [H1-1.4-01].

b) Cuối mỗi năm học, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng thực hiện việc đánh giá chuẩn Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng theo quy định và được cấp trên đánh giá chuẩn Hiệu trưởng mức đạt trở lên [H2-2.1-01], cụ thể:

Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Năm học	Chức vụ cán bộ quản lý	Kết quả tự đánh giá chuẩn Hiệu trưởng			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2018-2019	Hiệu trưởng		01		
	Phó Hiệu trưởng			01	
2019-2020	Hiệu trưởng	01			
	Phó Hiệu trưởng		02		
2020-2021	Hiệu trưởng	01			
	Phó Hiệu trưởng		02		
2021-2022	Hiệu trưởng	01			
	Phó Hiệu trưởng		02		
2022-2023	Hiệu trưởng	01			
	Phó Hiệu trưởng		02		

c) Cán bộ quản lý được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, phần mềm cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử, mạng nội bộ, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-an ninh. Hiệu trưởng được tập huấn thêm nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, công tác kiểm định chất lượng giáo dục, chứng chỉ đào tạo đầu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu [H1-1.4-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm, Hiệu trưởng đều đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng từ mức Khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non, tuy nhiên 01 phó Hiệu trưởng trong năm học 2018-2019 mới được bổ nhiệm vào cuối năm nên chỉ đánh giá chuẩn phó Hiệu trưởng mức Đạt [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đã tham gia và hoàn thành lớp bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị-hành chính nhà nước theo quy định [H1-1.4-01]. Cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và được giáo viên, nhân viên trong

trường tín nhiệm. Các Phó Hiệu trưởng chưa có chứng chỉ Đầu thầu cơ bản [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm: Đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; Có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm.

3. Điểm yếu

Các Phó Hiệu trưởng chưa có chứng chỉ Đầu thầu cơ bản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công tác quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tháng 02 năm 2024 nhà trường có đủ số lượng giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định: 22 giáo viên/10 nhóm lớp (1 GV phổ cập), lớp được quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.2-02], [H1-1.4-01].

b) Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và tăng theo từng năm [H1-1.4-01].

c) Trường có 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H2-2.2-01].

Mức 2:

a) Hiện nay tổng số giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo là 19/22 tỷ lệ 86,4%; 100% giáo viên có chứng chỉ tin học cơ bản, trên 100% giáo viên đạt trình độ anh văn phù hợp vị trí công tác. Trong 5 năm liên tiếp, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần [H1-1.4-01], cụ thể:

Năm học	Số lượng giáo viên	Trình độ chuyên môn			Ghi chú
		Đạt chuẩn (Trung cấp)	Trên chuẩn		
			Cao đẳng	Đại học	
2018-2019	21	01/21 (4,8%)	05/21 (23,8%)	15/21 (71,4%)	Tham gia học Đại học: 01 giáo viên
2020-2021	21		05/21 (23,8%)	16/21 (76,2%)	
2021-2022	20		04/20 (20%)	16/20 (80%)	
2022-2023	20		03/20 (15%)	17/20 (85%)	
2023-2024	22		03/22 (13,6%)	19/22 (86,4%)	Tham gia học Đại học: 03 giáo viên

Năm học 2023-2024 trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Luật giáo dục có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2020 [H1-1.4-01], cụ thể:

Năm học	Số lượng giáo viên	Trình độ chuyên môn		Ghi chú
		Đạt chuẩn (Cao đẳng)	Đạt trên chuẩn (Đại học)	
2023-2024	22	03/22 (13,6%)	19/22 (86,4%)	

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2018-2019 đến nay, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên. Chuẩn giáo viên tăng dần

theo từng năm. Tuy nhiên trong năm học 2018-2019 chuẩn giáo viên chưa đạt 60% khá trở lên [H2-2.2-01], cụ thể:

Kết quả đánh giá Chuẩn nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Năm học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ % giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định				Ghi chú
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2018-2019	19		3/19 (15,8%)	16/19 (84,2%)		Tự đánh giá (02 Giáo viên nghỉ việc)
2019-2020	21	9/21 (42,9%)	10/21 (47,6%)	2/21 (9,5%)		Hiệu trưởng đánh giá
2020-2021	21	9/21 (42,9%)	12/21 (57,1%)	0/21 (0%)		Tự đánh giá
2021-2022	20	13/20 (65%)	7/20 (35%)	0/20 (0%)		Hiệu trưởng đánh giá
2022-2023	20	14/20 (70%)	05/20 (25%)	01/20 (5%)		Tự đánh giá

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định tại Luật giáo dục có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2020 là 19/22 tỷ lệ 86,4% [H1-1.4-01].

b) Năm học 2022-2023 giáo viên đạt tốt-khá 19/20 tỷ lệ 95%; đạt tốt 14/20 tỷ lệ 70%. Tuy nhiên năm học 2018-2019, Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo mới ban hành vào tháng 3 năm 2019 nên giáo viên chưa đủ minh chứng [H1-1.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định. 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên, 100% có chứng chỉ tin học cơ bản, 100% đạt trình độ anh văn phù hợp vị trí công tác.

3. Điểm yếu

Năm học 2018-2019 giáo viên chưa đủ minh chứng trong đánh giá chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng giáo viên trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; thu thập các minh chứng để nâng cao tỷ lệ chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 12 nhân viên đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: 01 kế toán; 01 văn thư kiêm nhiệm y tế học đường; 01 thủ quỹ; 04 cấp dưỡng; 02 bảo vệ; 03 nhân viên phục vụ [H1-1.2-02], [H1-1.4-04].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người: Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán; thủ quỹ trình độ đại học Quản trị kinh doanh; nhân viên y tế trường học trình độ trung cấp Y sĩ; nhân viên cấp dưỡng: 04/04 trình độ sơ cấp; 01/02 nhân viên bảo vệ có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ. Tuy nhiên có 01 bảo vệ (hợp đồng trường mới tuyển tháng 5/2022) chưa có nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.2-02], [H1-1.4-01].

c) Đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: Kế toán thực hiện tốt công tác tham mưu, lập dự toán và báo cáo quyết toán về tài chính, tài sản theo quy định; nhân viên nấu ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện quy trình bếp một chiều; nhân viên phục vụ đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng học, phòng chức năng luôn sạch sẽ; nhân viên bảo vệ đảm bảo ca trực, giữ gìn an ninh trật tự cho mọi hoạt động của nhà trường [H1-1.4-04], [H1-1.7-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.2-02], [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2018 đến nay, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật, trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí chức danh công việc của nhân viên, 100% nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Nhân viên chính thức 06/06 tỷ lệ 100% có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định. Nhân viên hợp đồng trường có 06/06 (100%) nhân viên đạt trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định, tuy nhiên còn 1 bảo vệ chưa hoàn thành tốt công tác [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, 100% nhân viên tham gia đầy đủ đợt tập huấn do cấp trên tổ chức theo quy định. Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Nhân viên nấu ăn học lớp sơ cấp nấu ăn; Nhân viên kế toán tham gia các

lớp tập huấn về chế độ kế toán; Bảo vệ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Nhân viên đảm bảo đủ số lượng và được phân công phù hợp năng lực chuyên môn theo đúng vị trí việc làm.

3. Điểm yếu

Còn 01 bảo vệ (hợp đồng trường) chưa hoàn thành tốt công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tạo điều kiện cho nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ. Đề cử bảo vệ tham dự lớp học tập huấn bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ bảo vệ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được cơ cấu theo quy định Điều lệ trường mầm non. 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và được đánh giá chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định. Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.

Điểm yếu cơ bản:

Phó Hiệu trưởng chưa có chứng chỉ Quản lý nhà nước.

Còn 01 bảo vệ (hợp đồng trường) chưa có nghiệp vụ bảo vệ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy năng

lực trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng chất lượng đội ngũ, trường Mầm non 11 đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi-cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 11 đủ diện tích đất sử dụng theo quy định của văn bản số 559/GĐĐT-GDMN ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn về nội dung đánh giá đối với công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

a) Trường Mầm non 11 có 02 điểm học với tổng diện tích đất là 2090,75m². Điểm chính (139 Triệu Quang Phục, Phường 11, Quận 5) có diện tích 1508,98m² nhưng có 438,62m² do hư hỏng nặng phải niêm phong chờ sửa chữa. Khu vực này nằm trong quần thể của chùa Bà Thiên Hậu thuộc di tích lịch sử. Do đó, điểm chính còn lại diện tích sử dụng là 1070,36m². Điểm chính số trẻ là 136 trẻ (03 lớp Chồi, 02 lớp Lá), diện tích đất bình quân là 7,87m²/trẻ. Điểm lẻ có diện tích 581,77 m² với số lượng trẻ là 83 trẻ (01 lớp nhà trẻ, 03 lớp mầm), diện tích đất bình quân là 7m²/trẻ [H1-1.5-01], [H3-3.1-01].

b) Tại Điểm 1 (139 Triệu Quang Phục) có bảng tên Trường Mầm non 11 được gắn chữ bằng chữ alu gương vàng, inox vàng trên tường, kế bên cổng chính chắc chắn và thẩm mỹ. Điểm 2 (715 Nguyễn Trãi) có cổng, biển tên trường màu sắc đẹp, chữ to, dễ nhìn nhằm thu hút sự chú ý của phụ huynh. Khuôn viên trường có tường bao quanh kiên cố, trang trí đẹp, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H3-3.1-01].

c) Sân chơi của trường tại điểm chính có diện tích 162,40m², được thiết kế các khu vực hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Điểm lẻ có sân chơi tại lầu 01 cho các bé nhóm trẻ với diện tích 38,85m², tầng thượng có sân chơi ngoài trời cho các lớp mẫu giáo với diện tích 55,25m². Khu vực cho trẻ chơi vận động, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Sân trường có cây cảnh, cây hoa gần gũi, được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo môi trường cho trẻ vui chơi, khám phá và học tập [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Diện

tích xây dựng: điểm chính($408,05\text{m}^2 \times 100/743\text{m}^2 = 54,89\%$) và điểm lẻ dạng nhà phố 100% đều lớn hơn 40%. Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập): điểm chính ($327,40\text{m}^2 \times 100/1070,36\text{m}^2 = 30,58\%$) và điểm lẻ ($94,10\text{m}^2 \times 100/581,77\text{m}^2 = 16,77\%$) đều nhỏ hơn 40% [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H1-1.8-01], [H3-3.1-01].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định như: thang leo, cầu thăng bằng, cầu tuột có khu vực chơi các trò chơi vận động, chơi cát, nước. Khu vực trẻ chơi được lát thảm nhựa, khu vực vận động được lát thảm mousse, an toàn cho trẻ [H1-1.6-05],[H1-1.8-01], [H3-3.1-01].

Mức 3:

Nhà trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục như: thang leo, dụng cụ tập gym, đồ chơi cát, nước phù hợp thực tế và an toàn với trẻ [H1-1.6-05],[H1-1.8-01],[H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cổng, biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường chắc chắn. Diện tích đất so với số trẻ đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Khuôn viên và sân chơi nhà trường được sắp xếp thẩm mỹ và hợp lý, đồ chơi ngoài trời đầy đủ và bố trí hợp lý thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng, có một số loại hoa, cây dây leo tạo bóng mát và vườn cây cho trẻ chăm sóc tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập, khung cảnh gần gũi thiên nhiên, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động.

3. Điểm yếu

Diện tích công trình xây dựng và diện tích sân vườn không đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường duy trì bảo dưỡng khuôn viên trường luôn sạch đẹp và an toàn. Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo Phòng Giáo dục và Ủy ban nhân dân Quận 5 đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sửa chữa khu vực thuộc quần thể của chùa Bà Thiên Hậu theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đủ diện tích xây dựng và diện tích sân vườn theo tiêu chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024 nhà trường có 10 phòng học được sắp xếp và bố trí cho 01 nhóm nhà trẻ và 09 lớp mẫu giáo: 01 phòng học cho trẻ 25-36 tháng; 03 phòng học cho trẻ 3-4 tuổi, 03 phòng học cho trẻ 4-5 tuổi, 03 phòng học cho trẻ 5-6 tuổi [H1-1.5-01], [H3-3.1-01].

b) Tại điểm chính, phòng sinh hoạt được sử dụng chung với phòng ngủ là nơi cho trẻ học, chơi, ăn, ngủ với tổng diện tích là $280,08\text{m}^2/138$ trẻ, trung bình $2,02\text{m}^2/\text{trẻ}$. Điểm lẻ, phòng sinh hoạt cũng sử dụng chung với tổng diện tích $235,20\text{m}^2/83$ trẻ, trung bình $2,83\text{m}^2/\text{trẻ}$ [H1-1.5-01], [H3-3.1-01]. Phòng sinh hoạt chung có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền được lát gạch màu sáng đảm bảo an toàn cho trẻ không trơn trượt, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng, máy lạnh đảm bảo ấm áp về mùa lạnh, thoáng mát về mùa nóng. Các cây cảnh, chậu hoa được bố trí đẹp, khoa học. Trường có đủ bàn ghế cho trẻ (02 trẻ/1 bàn), đồ dùng, thiết bị cho trẻ hoạt động đầy đủ theo quy định [H1-1.6-05]. Phòng có máy lạnh rèm cửa giảm ánh sáng khi trẻ ngủ, có đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ: nệm, gối, có hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ [H1-1.6-05]. Tại điểm chính, trường có phòng giáo dục nghệ thuật cũng là phòng thể chất diện tích $41,25\text{m}^2$, điểm lẻ phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thể chất diện tích $54,60\text{m}^2$. Phòng thể chất của cả 02 điểm đã được lót sàn gỗ giúp trẻ thoải mái và an toàn hơn trong các hoạt động. Ngoài ra, trường có 01 phòng trải nghiệm với diện tích 45m^2 có đầy đủ các dụng cụ như: bếp điện, máy ép trái cây, lò nướng, nồi chiên không dầu, máy xay sinh tố ...cho trẻ khám phá, thử nghiệm, tập làm nội trợ [H3-3.1-01].

Sân chơi của trường tại điểm chính với tổng diện tích $327,40\text{m}^2/138$ trẻ, trung bình $2,37\text{m}^2/\text{trẻ}$. Tại điểm lẻ, sân chơi có tổng diện tích là $94,10\text{m}^2/83$ trẻ, trung bình $1,13\text{m}^2/\text{trẻ}$. Trường có tường bao quanh, có lan can bằng bê tông bao quanh cao 1,2m và có rào lưới cao 1,5m [H3-3.1-01]. Hiên chơi hẹp (chiều rộng là 1,35m) nên trẻ ăn trong lớp [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đèn, quạt và máy lạnh, đầy đủ tủ kệ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động [H1-1.6-04], [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có 10 phòng học. Điểm chính có 06 phòng học và 01 phòng đa chức năng (nghệ thuật, thể chất) với diện tích 41,25m², 01 phòng trải nghiệm có diện tích 45m² [H3-3.1-01]. Điểm lẻ có 04 phòng học, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng thể chất và 01 phòng thư viện diện tích là 54,60m². Tuy nhiên các phòng chức năng đều không đảm bảo diện tích theo Điều lệ trường mầm non là 60m²/phòng [H3-3.1-01]. Phòng sinh hoạt chung cũng là phòng ngủ và đều đạt chuẩn theo quy định Điều lệ trường mầm non.

b) Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.6-05].

Mức 3:

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ, phòng ăn của trẻ đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn. Phòng giáo dục nghệ thuật, phòng trải nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và một số phòng chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN 3907:2011.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường bổ sung và nâng cấp các phòng lớp thoáng, đủ diện tích cho trẻ hoạt động và bố trí, sắp xếp phòng chức năng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định: văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ [H3-3.1-01].

b) Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý, phòng hành chính quản trị được trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ, âm ly phục vụ cho hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Phòng cách ly được bố trí gần cổng ra vào đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, máy oxy và hệ thống vệ sinh riêng biệt, thuận tiện cho việc phục vụ cách ly, không nhiễm chéo, phục vụ tốt cho công tác phòng chống dịch bệnh tại nhà trường. Phòng bảo vệ được bố trí ngay cổng ra vào thuận lợi cho việc quan sát, theo dõi mọi hoạt động ra vào của cha mẹ học sinh, trẻ và khách liên hệ công tác có đầy đủ bàn, ghế, quạt, bình chữa cháy [H1-1.6-05], [H3-3.1-01].

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý bên trong trường, là khu riêng biệt, có mái che đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính quản trị, cụ thể: phòng Hiệu trưởng 24m²; phòng phó Hiệu trưởng 21,7m²; phòng hành chính quản trị 18m²; phòng y tế 12m²; phòng bảo vệ 4m² và có phòng nghỉ dành cho nhân viên có diện tích 45m². Tuy nhiên diện tích phòng y tế và phòng bảo vệ chưa đảm bảo diện tích theo quy định của tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 [H3-3.1-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có diện tích 30,5m² được bố trí hợp lý, có mái che, thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.1-01].

Mức 3:

Diện tích phòng y tế và phòng bảo vệ chưa đảm bảo diện tích theo quy định của tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có khối phòng hành chính quản trị được trang bị đầy đủ các phương tiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc và có phòng nghỉ dành cho nhân viên.

3. Điểm yếu

Diện tích một số phòng chưa đảm bảo diện tích theo quy định của tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 như: phòng y tế chưa đạt 24m²; phòng bảo vệ chưa đạt 6m².

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì các loại phòng theo quy định. Hiệu trưởng điều chỉnh, cân đối diện tích để đảm bảo các phòng theo đúng tiêu chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố và có lưới chống ruồi muỗi bao quanh theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có kho thực phẩm nhưng đã xuống cấp nên không sử dụng chứa thực phẩm. Thực phẩm của trẻ được sử dụng hết trong ngày. Nhà trường sử dụng sữa bột trong tuần được bảo quản trong tủ đựng sữa đặt ở phòng tài chính [H1-1.6-04], [H3-3.1-01].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: Tủ lạnh, hộp đựng lưu mẫu bằng inox, thực hiện lưu mẫu thức ăn được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H1-1.10-03].

Mức 2:

Bếp ăn có diện tích 73,7m²/219 trẻ (đạt 0,3m²/trẻ) đảm bảo theo quy định tại Điều 29, Điều lệ trường mầm non. Bếp ăn gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo quy định bếp một chiều với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường như tủ sấy chén, tủ hấp cơm, các loại xoong inox, tủ inox kính đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm tủ mát và tủ đông; đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định; các chất thải được xử lý đúng quy định [H1-1.6-05], [H1-1.10-04],[H3-3.1-01].

Mức 3:

Bếp được thiết kế đủ ánh sáng; tường, trần nhà và sàn nhà bằng phẳng; không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh

và khử trùng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng chất liệu inox dễ cọ rửa. Bếp có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ đựng thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không gây yếu tố độc hại. Có tủ lạnh để bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà bông sát khuẩn. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn dư; thùng đựng rác bằng nhựa, có bao đựng và nắp đậy thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Bếp hoạt động theo quy trình hoạt động một chiều, hợp vệ sinh. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm đủ ánh sáng, thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn, khu bếp có lưới chống côn trùng [H1-1.6-04], [H1-1.6-05]. Tuy nhiên, bếp đặt chung với sân chơi chưa được thiết kế riêng biệt theo quy định chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều. Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, trang thiết bị và thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

3. Điểm yếu

Bếp ăn còn đặt chung với sân chơi của trẻ chưa thiết kế khu vực riêng biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy việc nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-05].

b) Giáo viên các nhóm lớp sử dụng các nguyên vật liệu đa dạng để làm đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục như trống lắc, phách tre, mô hình kể chuyện, rối nhằm phục vụ hoạt động học tập, vui chơi của trẻ trên nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với từng lứa tuổi, đồng thời phát huy tính sáng tạo ở trẻ [H1-1.6-05], [H1-1.2-06].

c) Định kỳ cuối năm học, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, sửa chữa các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi sử dụng [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của nhà trường bao gồm 15 máy vi tính bố trí 09 máy tại 09 lớp, 03 máy cho cán bộ quản lý, 03 máy tại văn phòng và được kết nối

Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học: cổng thông tin điện tử; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm cơ sở dữ liệu; phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng, thu phí và phần mềm sổ liên lạc điện tử VnEdu [H1-1.1-04],[H1-1.6-05].

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định theo thông tư 34/2013/TT-BGDĐT và thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ban hành danh mục đồ chơi ngoài trời và đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp. Có tủ, kệ đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. Có đầy đủ hệ thống đèn, quạt và 09/09 lớp có máy lạnh đảm bảo chăm sóc, giáo dục cho trẻ [H1-1.6-05], [H1-1.10-02]

c) Hằng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu cho giáo dục mầm non theo quy định như dùng rối que, các bộ trò chơi học tập, đồ chơi vận động [H1-1.6-05]. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.2-06].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, các thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ chưa đa dạng [H1-1.6-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định và đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Các thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ chưa đa dạng. Đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn giáo viên làm đồ chơi sáng tạo phong phú, đa dạng bằng các loại nguyên vật liệu mở. Hằng năm, trường tổ chức các cuộc thi làm đồ dùng, đồ chơi sáng tạo bằng các nguyên vật liệu mở và chú ý đến độ bền để phục vụ tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 10 nhà vệ sinh gồm 8 nhà vệ sinh dành cho trẻ và 2 nhà vệ sinh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Điểm chính có 04 nhà vệ sinh cho trẻ và có khu vực riêng biệt cho bé trai, bé gái và 01 nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Điểm lẻ có nhà 02 vệ sinh cho trẻ trong lớp học, 01 nhà vệ sinh phòng thể dục; 01 nhà vệ sinh dùng chung; 01 nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01].

Các nhà vệ sinh được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ vệ sinh, thuận tiện sử dụng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ; đảm bảo khô thoáng, sạch sẽ và nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.6-04],[H1-1.6-05],[H3-3.1-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng. Trường sử dụng nước sinh hoạt thủy cục của Công ty cấp nước Chợ Lớn trong sinh hoạt và chế biến thực phẩm, nước uống của công ty Ion-life. Định kỳ mỗi năm, trường tiến hành xét nghiệm mẫu nước chứa trong bồn theo quy định [H1-1.6-04], [H1-1.10-03].

c) Nhà trường thực hiện thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định với các trang thiết bị như: Thùng rác có nắp đậy và bao đựng; rác được phân loại, thu gom và xử lý trong ngày. Khu vực tập trung rác được bố trí ở khu vực riêng ở khu vực nhà rác, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và xa nhà bếp. Trường có hợp đồng với hộ cá nhân thực hiện thu gom rác sinh hoạt mỗi ngày nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường theo giờ quy định [H1-1.10-03].

Mức 2:

a) Trường có 02/08 nhà vệ sinh dành cho trẻ xây dựng khép kín với phòng sinh hoạt và phòng ngủ, liền kề với nhóm lớp, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; có vách ngăn giữa các bồn tiểu, bồn cầu. 08/08 nhà vệ sinh của trẻ có trang bị các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; có ký hiệu bồn dành cho trẻ nam và trẻ nữ. Nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Nhà trường sử dụng nguồn nước của công ty cấp nước Chợ Lớn đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có nhà vệ sinh dành cho bé trai, bé gái riêng biệt có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ

sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hàng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có đủ các nhà vệ sinh khép kín trong lớp học cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo Phòng Giáo dục và Ủy ban nhân dân Quận 5 đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sửa chữa khu vực thuộc quần thể của chùa Bà Thiên Hậu theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhằm cải tạo tu bổ xây dựng đủ nhà vệ sinh trong lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường chắc chắn. Số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Sân chơi thoáng mát, có cây xanh được chăm sóc thường xuyên phù hợp với cảnh quan và đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động. Bếp ăn được tổ chức theo quy trình bếp một chiều. Thực phẩm sử dụng hết trong ngày, thức ăn được lưu mẫu hàng ngày và đúng quy định. Các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Thực hiện tốt việc thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại và chất thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Khuôn viên và sân trường được trang bị đầy đủ đồ chơi ngoài trời bố trí phù hợp với điều kiện nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ, tạo cơ hội cho trẻ khám phá và học tập.

Điểm yếu cơ bản:

Các thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ chưa đa dạng.

Đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 04/06

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 02/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06..

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng trong việc chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà trường là nơi truyền đạt kiến thức cho trẻ. Gia đình là nơi trẻ luôn được yêu thương. Xã hội là môi trường thực tế, giúp trẻ hoàn thiện một số kỹ năng trong cuộc sống. Đây là môi liên kết không thể thiếu giúp trẻ phát triển toàn diện. Xác định được tầm quan trọng của các mối quan hệ này, trường Mầm non 11 không ngừng chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ và các ban ngành đoàn thể tại địa phương để tạo cho trẻ một môi trường giáo dục tốt nhất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, nhà trường tiến hành Đại hội Cha mẹ trẻ ở các lớp và bầu ra chi hội của mỗi lớp gồm 02 thành viên. Từ kết quả họp Cha mẹ trẻ ở các lớp, trường Mầm non 11 tổ chức Đại hội Cha mẹ học sinh toàn trường và bầu ra 05 thành viên

gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 thành viên. Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H1-1.10-05].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện xây dựng kế hoạch phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; tham gia tuyên truyền kiến thức, kỹ năng, thái độ cho trẻ; phối hợp tổ chức các hoạt động phong trào cho trẻ tham gia. Ban hành nghị quyết hoạt động theo từng năm học [H1-1.10-05].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ; định kỳ tổ chức họp 03 lần/năm học để đề ra kế hoạch, sơ kết, tổng kết công tác [H1-1.10-05].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ như giám sát chất lượng bữa ăn bán trú, vệ sinh; tổ chức các hoạt động lễ hội trong năm [H1-1.10-05]. Tham dự tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục trẻ thông qua họp cha mẹ trẻ, trao đổi trực tiếp [H1-1.10-03]. Chấp hành nội quy nhà trường: Không hút thuốc lá; không uống rượu, bia; trang phục gọn gàng, lịch sự khi vào trường; không đậu xe dưới lòng đường đảm bảo trật tự an toàn giao thông trước cổng trường [H1-1.10-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ có phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh, tham dự các hoạt động theo kế hoạch của trường như: Hoạt động ngoại khóa, tham quan, lễ hội, vui chơi của trẻ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm trong nhà trường [H1-1.4-03]. Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục theo Thông tư 16 về tài trợ cho cơ sở giáo dục: hệ thống camera, hỗ trợ lót sàn gỗ 03 phòng chức năng, thay bạt mái hiên sảnh ăn, trang bị thêm quạt treo phòng ăn, trang bị thêm đồ chơi cho các lớp, bổ sung thêm máy lạnh ở lớp Mầm 3 và Chồi 3 nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.10-02], [H1-1.10-05]. Tuy nhiên, công tác hướng dẫn, tuyên truyền của Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Công tác hướng dẫn, tuyên truyền của Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa đa dạng về hình thức nên chất lượng công tác chưa đạt hiệu quả cao

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đầu tư các hình thức tuyên truyền khác nhau nhằm thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ trong các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ trong công tác tuyên truyền.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục của nhà trường tại các buổi họp giao ban cấp ủy mở rộng: Công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp; công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và hỗ trợ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường; công tác Chữ thập đỏ, y tế, Hội Khuyến học [H1-1.10-01], [H4-4.2-01], [H4-4.2-02], [H1-1.3-06].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành giáo dục; các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua các cuộc họp của Cha mẹ trẻ của lớp, bản tin tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ giờ đón, trả trẻ, tuyên truyền trước cổng trường, qua trang thông tin điện tử của lớp và của trường [H1-1.1-04], [H1-1.10-05].

c) Trường đã huy động được sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân trong công tác xã hội hóa giáo dục: cha mẹ trẻ tài trợ hệ thống máy lạnh, hệ thống camera, hỗ trợ lót sàn gỗ 03 phòng chức năng, thay bạt mái hiên sảnh ăn, trang bị thêm quạt treo phòng ăn, trang bị thêm đồ chơi cho các lớp, bổ sung thêm máy lạnh ở lớp Mầm 2 và Mầm 3 nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.10-02], [H1-1.10-05].

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua các buổi họp giao ban Bí thư chi bộ tại Đảng ủy Phường 11, buổi họp Hội Khuyến học Phường 11 về công tác huy động trẻ ra lớp, an ninh trật tự ngoài cổng trường, trao học bổng cho trẻ [H1-1.3-04], [H1-1.3-06], [H4-4.2-02].

b) Trường có các hình thức phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để tổ chức các hoạt động lễ hội như: ngày hội văn hóa của Phường, thấp nhang tưởng niệm, thăm các di tích tại địa phương [H1-1.3-01], [H1-1.3-02].

Tham gia các sự kiện theo kế hoạch, các hoạt động chào mừng Đại hội Đảng các cấp, lễ hội Xuân, Tuần lễ học tập suốt đời với các hoạt động đa dạng phù hợp với truyền thống của địa phương [H1-1.3-01], [H1-1.3-02], [H1-1.3-04].

Mức 3:

Trường thực hiện hiệu quả công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tích cực đề xuất, tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa thành lập trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Ở lứa tuổi mầm non, việc chăm sóc giáo dục tốt sẽ giúp trẻ phát triển toàn diện nhân cách. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ, tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đã hoàn thành với kết quả phản ánh thực trạng hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ như: trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, hồn nhiên, mạnh dạn, tự tin, khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường theo độ tuổi; trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh; có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; biết tự phục vụ và làm một số việc vừa sức; biết quan tâm chăm sóc bảo vệ cây xanh, hoa trong vườn trường. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được khám phá, tham gia vào các hoạt động để giúp trẻ phát triển hài hòa các lĩnh vực về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm, kỹ năng xã hội theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong*

khu vực và thể giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01], riêng khối Lá có sử dụng thêm Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi trong việc lập kế hoạch phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H5-5.1-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5, với điều kiện thực tế nhà trường thông qua thực hiện các chuyên đề cấp Cụm, cấp trường, tham dự thao giảng chuyên đề trọng tâm của từng năm học [H1-1.4-03]. Tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường, tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp quận [H1-1.2-06]. Xây dựng các tiết dự giờ bồi dưỡng, các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ phù hợp với thực tiễn của trường, lớp [H1-1.4-02], [H1-1.4-03], [H1-1.6-03].

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kiểm tra kế hoạch giáo viên trên mạng nội bộ, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong công tác chuyên môn [H1-1.1-04], [H1-1.4-03].

Hằng tháng, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.6-03],[H1-1.7-02].

Mức 2:

a) 19/19 giáo viên đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục mầm non, tỷ lệ 100% kiểm tra tay nghề đạt loại khá trở lên [H1-1.7-02]. Năm học 2019-2020,

trường có 03 giáo viên đạt giải Hội thi giáo viên giỏi cấp Quận và đạt kết quả: 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích [H1-1.3-07]. Năm học 2020-2021 có 06 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-06]. Năm học 2021-2022 có 02 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp Quận và 8 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp trường, Năm học 2023-2024 có 06 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp trường.

b) Hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch giáo dục, phó Hiệu trưởng phụ trách hướng dẫn cho đội ngũ giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ học thông qua vui chơi, trải nghiệm, lễ hội, hội thi. Tổ chức đa dạng các hoạt động giúp trẻ phát huy tính tích cực, củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho trẻ [H1-1.8-01], [H5-5.1-02].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đúng quy định, thực hiện đề án dạy ngoại ngữ cho trẻ mầm non với giáo viên bản ngữ phụ trách. Tuy nhiên, nhà trường chưa tiếp cận với chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, phó Hiệu trưởng báo cáo, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó Hiệu trưởng có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung. Năm học 2023-2024 đón dự giờ chuyên đề "Phát triển nhận thức" đón Phòng Giáo dục và các trường bạn tham dự [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tiếp cận với chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tổ chức thực hiện tốt và phát triển chương trình giáo dục mầm non. Từng bước tiếp cận các phương pháp đổi mới giáo dục theo hướng hiện đại. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong công tác thực hiện hiệu quả chương trình phù hợp và thực tiễn của nhà trường và địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) 19/19 giáo viên của 10/10 lớp thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động trong ngày của trẻ theo hình thức cá nhân, nhóm, trong lớp, ngoài trời; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, nhu cầu và khả năng trẻ. Trẻ tham gia hoạt động hứng thú, tích cực, phát triển kiến thức, kỹ năng, vốn từ, được tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.4-03], [H1-1.8-01], [H5-5.1-02].

b) Giáo viên có xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm đảm bảo an toàn, thuận tiện cho trẻ hoạt động [H1-1.2-06]. Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục cải tạo vườn ươm của bé và trang bị thêm phòng vui chơi trải nghiệm của cả 2 điểm trường, tạo môi trường cho trẻ vui chơi, trải nghiệm phong phú [H3-3.1-01], [H1-1.8-01].

c) Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của đơn vị. Tất cả các hoạt động giáo dục cho trẻ đều được cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng tổ chức cho trẻ tìm hiểu về thế giới xung quanh.

Mức 2:

Năm học 2023-2024, giáo viên tổ chức đa dạng các hoạt động “Bé vào bếp cùng cô”. Trẻ được đề xuất một số món ăn trong thực đơn hàng tuần và tham gia thực hiện ở phòng trải nghiệm cùng cô giáo.

Nhà trường tăng cường tổ chức nhiều hoạt động lễ hội và trải nghiệm đa dạng cho trẻ, thay đổi hình thức thực hiện so với những năm học trước:

- + Tổ chức Ngày hội “Đón bé đến trường” với các gian hàng trò chơi, gian hàng ẩm thực cho trẻ và phụ huynh cùng tham gia

- + Lễ hội "Bé vui hội trăng rằm" với các hoạt động Hội thi trứng bày mâm cỗ; buffet phá cỗ, Xem kịch "Sự tích bánh chưng thu"

- + Lễ hội "Mừng ngày Phụ Nữ Việt Nam 20/10": trẻ cùng cô thực hiện những món quà tặng mẹ (bánh pizza, trang trí cơm Bento, trồng và trang trí chậu cây).

- + Kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2022: hội thi "Cùng bé vào bếp"-tiệc buffet, văn nghệ "Bông hoa mừng cô", mời ba mẹ trải nghiệm các hoạt động giáo dục trẻ tại trường.

- + Trải nghiệm các hoạt động mừng Noel 2023: chuỗi hoạt động Món quà ý nghĩa.

- + Lễ hội "Xuân Tây nguyên" mừng Tết nguyên đán 2024.

- + Ngày hội "Năng lượng mới, cả ngày vui"

- + Hoạt động trải nghiệm “Xem kịch rối” tại nhà hát.

Mức 3:

Giáo viên có tổ chức môi trường giáo dục ngoài lớp học như khu vui chơi vận động cho trẻ, góc thiên nhiên, làm đồ chơi tự tạo phù hợp với nhu cầu khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm. Kịp thời thay đổi môi trường lớp theo chủ đề, các bài tập ở góc chơi phong phú, đa dạng và mang tính phát triển phù hợp với khả năng của từng trẻ [H1-1.8-01]. Tuy nhiên cơ sở vật chất của nhà trường còn một số hạng mục đang chờ sửa chữa không thể đưa vào sử dụng nên không gian cho trẻ hoạt động đôi khi còn bị hạn chế, các hoạt động giáo dục tổ chức cho trẻ chưa thật sự phong phú, đa dạng [H1-1.3-05], [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên tổ chức các hoạt động đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện nhà trường. Các hoạt động đa dạng, phong phú. Trẻ tham gia tích cực trong các hoạt động lễ hội, tham quan.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất của nhà trường còn một số hạng mục đang chờ sửa chữa không thể đưa vào sử dụng nên không gian cho trẻ hoạt động đôi khi còn bị hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên qua các cuộc họp chuyên môn hàng tháng, định hướng và hướng dẫn giáo viên lựa chọn các bài tập với nhiều hình thức phong phú và mang tính phát triển, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non. Xây dựng nội dung hoạt động phòng chức năng “Vui chơi – Trải nghiệm” phong phú để trẻ được thực hành, trải nghiệm thông qua các hoạt động tập làm nội trợ và khám phá thử nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng Quận 5 và Trạm y tế Phường 11 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: Khám sức khỏe định kỳ, uống Vitamin A, uống tẩy giun 2 lần/năm, thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H1-1.5-01], [H1-1.10-03], [H5-5.3-01]

b) 100% trẻ được khám sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng hằng quý; riêng đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được theo dõi hằng tháng [H1-1.5-01], [H1-1.10-03], [H5-5.3-01].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tích cực nhằm giúp trẻ khỏe mạnh, các biện pháp đã tổ chức thực hiện như: Đối với trẻ suy dinh dưỡng tăng cường thêm bữa phụ: phô mai, bánh ngọt, uống sữa; xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng; Đối với trẻ thừa cân, béo phì tăng cường cho trẻ vận động vào giờ thể dục sáng, lịch hoạt động thừa cân,

béo phì, thực hiện cho trẻ ăn thêm rau, giảm tinh bột; tuyên truyền với cha mẹ cho trẻ uống sữa ít béo, ăn nhiều trái cây [H1-1.6-04]. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H1-1.10-03], [H5-5.3-01].

Nội dung	Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023	
	Phục hồi	Tỉ lệ	Phục hồi	Tỉ lệ	Phục hồi	Tỉ lệ	Phục hồi	Tỉ lệ	Phục hồi	Tỉ lệ
Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân	07/07	100%	03/04	75%	02/04	50%	2/2	100%	04/04	100%
Trẻ suy dinh dưỡng thấp còi	03/11	27,27%	02/04	50%	03/03	100%	5/6	83,3%	10/10	100%
Trẻ thừa cân, béo phì	07/50	14%	2/38	28%	11/31	35,4%	27/33	81,8 %	19/24	79.1%

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề; họp cha mẹ trẻ; trao đổi với cha mẹ trẻ trong giờ đón, trả trẻ và sổ liên lạc, bé ngoan [H1-1.10-05], [H5-5.3-01]. Trường tổ chức các buổi chuyên đề với các nội dung như: An toàn thực phẩm; phòng, chống dịch bệnh tay chân miệng; sốt xuất huyết; nói không với khói thuốc lá; dịch bệnh truyền nhiễm [H1-1.10-03], [H1-1.10-05].

b) Nhà trường có xây dựng thực đơn, chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.6-04] cụ thể: Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 01 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% (615 - 726 Kcal) nhu cầu cả ngày. Trường đạt trung bình 673 Kcal đối với nhà trẻ và 725 Kcal đối với mẫu giáo. Số bữa ăn tại trường gồm sáng, trưa và xế [H1-1.10-03].

Cân đối các chất trong bữa chính (trưa – xế) tại trường:

+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 15%-25% năng lượng khẩu phần: Trường đạt trung bình 16%.

+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%-35% năng lượng khẩu phần: Trường đạt trung bình 26%.

+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%-60% năng lượng khẩu phần: Trường đạt trung bình 58%.

+ Nước uống: khoảng 1,6-2,0 lít/trẻ em/ngày (kể cả nước trong thức ăn)

c) Trong 05 năm liên tục và tính đến thời điểm tự đánh giá, 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học. Năm học 2023-2024, ở HK I, trẻ suy dinh dưỡng cải thiện được 25%; trẻ thừa cân, béo phì cải thiện được 15% so với đầu năm học [H1-1.10-03].

Mức 3:

Tính đến tháng 02 năm 2024, các trẻ khỏe mạnh có chiều cao và cân nặng phát triển bình thường là 192/228 trẻ tỷ lệ 86.8%. Nhà trường chưa đạt tỷ lệ theo quy định là trên 95% trẻ có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H1-1.5-01], [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đạt tỷ lệ theo quy định là trên 95% trẻ có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. Hiệu trưởng chỉ đạo phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định; chỉ đạo giáo viên sưu tầm thêm các bài tập, trò chơi tổ chức cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì. Tuyên truyền, phối hợp tốt cùng cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc trẻ tại nhà với những thực đơn chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì qua bảng tin của trường, lớp nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

b) *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

c) *Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

a) *Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

b) *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ được cải thiện dần qua 05 năm học: năm học 2022-2023 tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 89,46%; dưới 5 tuổi đạt 82,76% [H1-1.5-01].

Lứa tuổi	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Trẻ từ 25-36 tháng	93,64%	85,51%	88,25%	90,02%	71,95%
Trẻ 3-4 tuổi	88,10%	88,70%	86,14%	88,25%	86,09%
Trẻ 4-5 tuổi	89,29%	92,06%	90,53%	92,72%	90,24%
Trẻ 5-6 tuổi	90,62%	90,62%	93,32%	95,83%	89,46%

b) Năm học 2018-2019 đến nay, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-05], [H5-5.1-01].

Lứa tuổi	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Trẻ 5-6 tuổi	114/114	91/91	84/84	61/61	67/67

c) Từ năm học 2018-2019 đến nay nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ được cải thiện dần qua 5 năm học, tháng 10 năm 2022 tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 89,46%; dưới 5 tuổi đạt 82,76% [H1-1.5-01].

b) Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non luôn đạt 100% [H4-4.2-05].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

a) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.2-05].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ chuyên cần của trẻ đạt 85% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 2022-2023 tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của các trẻ dưới 5 tuổi trong nhà trường chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương trong việc huy động trẻ trên địa bàn ra lớp. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với cha mẹ trẻ cho trẻ đến trường, như điện thoại thăm hỏi cha mẹ trẻ khi trẻ nghỉ do bệnh; thường xuyên trao đổi với cha mẹ trẻ về tình hình trong ngày của trẻ để cha mẹ trẻ yên tâm khi gửi con tại trường; khuyến khích trẻ đi học đều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng. Trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ chuyên cần trên 90% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 100%. Phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Tỷ lệ chuyên cần của các trẻ dưới 5 tuổi trong nhà trường chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non, Trường Mầm non 11 đăng ký đánh giá ngoài với kết quả tự đánh giá như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Mức 1:

Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%.

Số lượng các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 2:

Số lượng các tiêu chí đạt: 19/25, tỷ lệ: 76%.

Số lượng các tiêu chí không đạt: 06/25, tỷ lệ: 24%.

+ Mức 3:

Số lượng các tiêu chí đạt: 02/19, tỷ lệ: 10,53%.

Số lượng các tiêu chí không đạt: 17/19, tỷ lệ: 89,47%.

- Mức đánh giá của Trường Mầm non 11 Quận 5: Mức 1.

- Trường Mầm non 11 Quận 5 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Quận 5, ngày 28 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Thúy

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	01	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược 2015-2020; Nhiệm vụ năm học	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	02	[H1-1.1-02]	Hồ sơ Hội nghị CB-CC-VC: Biên bản họp; Đăng kí thi đua; Quy chế dân chủ; Chi tiêu nội bộ; Báo cáo; Kế hoạch; Nghị quyết; Tiêu chuẩn thi đua	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	03	[H1-1.1-03]	Biên bản họp các hội đồng: Hội đồng thi đua; Hội đồng liên tịch; Hội đồng sư phạm	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	

	04	[H1-1.1-04]	Các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý: + Trang thông tin điện tử của trường + Các phần mềm quản lý: Thu-Chi; Kế toán; Sổ liên lạc điện tử; Hóa đơn điện tử; Cơ sở dữ liệu; Công tác bán trú + Dịch vụ trực tuyến: Kho bạc, Thuế (Chữ kí số) + Mạng nội bộ nhà trường	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
Tiêu chí 1.2	01	[H1-1.2-01]	Các quyết định của cấp trên: Bổ nhiệm; Sửa chữa; Nhân sự; Tài chính	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	02	[H1-1.2-02]	Các quyết định của nhà trường: Phân công; Bổ nhiệm; Thành lập các hội đồng; Khen thưởng; Công nhận; Nội quy; Quy chế	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	

	03	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng trường: Quyết định thành lập, kiện toàn; Quy chế hoạt động; Kế hoạch; Biên bản; Báo cáo	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	04	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Thi đua-Khen thưởng: Kế hoạch; Biên bản; Tờ trình; Quyết định khen thưởng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	05	[H1-1.2-05]	Hồ sơ Sáng kiến kinh nghiệm: Bảng đăng kí; Các sáng kiến; Biên bản họp; Quyết định công nhận sáng kiến	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	06	[H1-1.2-06]	Hồ sơ Giáo viên Giỏi cấp trường-cấp Quận: Kế hoạch; Phiếu điểm nội dung thi; Biên bản họp; Quyết định công nhận; Hồ sơ đủ điều kiện tham dự	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	

Tiêu chí 1.3	01	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn: Quyết định; Kế hoạch; Báo cáo; Hình ảnh hoạt động	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Công đoàn	
	02	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn: Văn kiện; Quyết định; Các hoạt động; Hình ảnh; Báo cáo	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chi đoàn	
	03	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Chữ thập đỏ: Kế hoạch; Báo cáo; Quyết định thành lập; Các hoạt động (hình ảnh); Hội thi sơ cấp cứu, Danh sách tham gia các hoạt động	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hội Chữ thập đỏ	
	04	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội khuyến học Kế hoạch; Báo cáo; Quyết định thành lập; Các hoạt động (hình ảnh)	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hội khuyến học	
	05	[H1-1.3-05]	Các báo cáo của nhà trường: Chuyên đề; Sơ kết; Tổng kết; Tháng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	06	[H1-1.3-06]	Hồ sơ Chi bộ: Phân tích chất lượng; Văn kiện; Biên bản; Kiểm tra-Giám	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chi bộ	

			sát; Học tập Hồ Chí Minh; Đại hội Chi bộ; Hồ sơ Đảng viên; Công trình Chi bộ; Hình ảnh hoạt động			
	07	[H1-1.3-07]	Các thành tích của nhà trường	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.4	01	[H1-1.4-01]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
	02	[H1-1.4-02]	Hồ sơ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng: Kế hoạch; Biên bản	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn Văn phòng	
	03	[H1-1.4-03]	Hồ sơ các chuyên đề Chăm sóc, Giáo dục: Kế hoạch; Báo cáo; Hình ảnh; Biên bản	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	04	[H1-1.4-04]	Hồ sơ đánh giá viên chức	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	

Tiêu chí 1.5	01	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ em: Danh bạ; Sổ điểm danh (lớp, trường)	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
Tiêu chí 1.6	01	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý công văn: Công văn đến; Công văn đi; Các tài liệu lưu trữ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
	02	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý tài chính: Quyết định; Dự toán; Quyết toán; Quy chế; Chứng từ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
	03	[H1-1.6-03]	Hồ sơ quản lý chuyên môn: Kế hoạch; Biên bản; Báo cáo; Văn bản chỉ đạo; Biên bản họp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Phó Hiệu trưởng	
	04	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lý bán trú: Kế hoạch; Biên bản; Báo cáo; Văn bản chỉ đạo; Biên bản họp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Phó Hiệu trưởng	
	05	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý tài sản: Danh mục tài sản trường; lớp; Biên bản kiểm kê; Hồ sơ mua sắm; Quy chế quản lý;	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	

			Báo cáo; Quyết định			
	06	[H1-1.6-06]	Hồ sơ quy chế dân chủ-Ba công khai	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.7	01	[H1-1.7-01]	Hồ sơ Bồi dưỡng thường xuyên: Kế hoạch; Báo cáo; Các nội dung bồi dưỡng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Phó Hiệu trưởng	
	02	[H1-1.7-02]	Hồ sơ Kiểm tra nội bộ: Kế hoạch; Hồ sơ kiểm tra của từng cá nhân, bộ phận; Báo cáo tổng kết	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.8	01	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục các lớp Hình ảnh hoạt động của các lớp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Các lớp	
Tiêu chí 1.9	01	[H1-1.9-01]	Hồ sơ tiếp dân	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.10	01	[H1-1.10-01]	Hồ sơ Đơn vị văn hóa-Công sở văn minh an ninh trật tự	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	

	02	[H1-1.10-02]	Hồ sơ tài trợ hệ thống camera Hồ sơ hệ thống máy lạnh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Hiệu trưởng	
	03	[H1-1.10-03]	Hồ sơ y tế học đường: Các nội dung trong Thông tư 13	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Phó Hiệu trưởng	
	04	[H1-1.10-04]	Hồ sơ Phòng cháy chữa cháy: Phương án; Kế hoạch; Bảo hiểm; Bảo trì thiết bị; Biên bản kiểm tra	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng Phó Hiệu trưởng	
	05	[H1-1.10-05]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Nghị quyết; Nội dung họp; Danh sách tham dự họp; Kế hoạch; Quy chế hoạt động	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
Tiêu chí 2.1	01	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.2	01	[H2-2.2-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn giáo viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng hiệu trưởng	

Tiêu chí 3.1	01	[H3-3.1-01]	Bảng vẽ sơ đồ và diện tích các phòng trong nhà trường Hình ảnh các phòng, khu vực trong nhà trường	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 4.1	01	[H4-4.1-01]	Hồ sơ tuyển sinh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
Tiêu chí 4.2	01	[H4-4.2-02]	Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn phòng	
Tiêu chí 5.1	01	[H5-5.1-01]	Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Các lớp	
	02	[H5-5.1-02]	Các Lễ hội, Hội thi: Kế hoạch; Hình ảnh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phòng phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.3	01	[H5-5.3-01]	Hồ sơ đánh giá trẻ: Sổ liên lạc; Sổ sức khỏe; Tập của trẻ	Năm học 2023-2024	Các lớp	